

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360158	Trần Trường	An	21/05/2007	01MK15C1	6.0	5.0	5.3		7.0		6.3	Đạt
2	1223360133	Trần Khánh	Dương	21/08/2007	01MK15C1	6.0	5.0	5.3		7.8		6.8	Đạt
3	1223360254	Đào Hồng	Hạnh	07/03/2007	01MK15C1	7.5	6.0	6.5		7.5		7.1	Đạt
4	1223360146	Lê Trọng	Hiền	15/05/2006	01MK15C1	3.0	0.0	1.0	TBKT			0.4	Học lại
5	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm	Hùng	15/07/2007	01MK15C1	7.5	5.0	5.8		6.8		6.4	Đạt
6	1223360275	Hoàng Phi	Hùng	19/11/2003	01MK15C1	8.0	6.0	6.7		4.3		5.2	Đạt
7	1223240079	Phan Thị Thùy	Nhung	30/01/1990	01MK15A1	9.0	8.5	8.7		8.8		8.7	Đạt
8	1223240091	Huỳnh Vương Bảo	Phúc	06/05/2003	01MK15A1	9.5	8.0	8.5		5.3		6.6	Đạt
9	1223360126	Ngô Tố	Quyên	21/09/2007	01MK15C1	7.0	5.0	5.7		6.3		6.0	Đạt
10	1223360055	Nguyễn Tuệ	Tâm	19/10/2007	01MK15C1	6.0	3.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
11	1223360067	Nguyễn Nho Trương	Tiến	05/01/2007	01MK15C1	7.5	6.0	6.5		6.3		6.4	Đạt
12	1223360281	Trần Minh	Tiến	07/09/2007	01MK15C1	7.5	5.5	6.2		4.0		4.9	Đạt
13	1223360035	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/07/2007	01MK15C1	7.5	5.5	6.2		4.8		5.3	Đạt
14	1223360202	Trần Thị Phương	Thanh	01/12/2004	01MK15C1	7.5	5.5	6.2		8.3		7.4	Đạt

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
15	1223360110	Đặng Thị Thanh	Thảo	19/06/2003	01MK15C1	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7	Đạt
16	1223360216	Bùi Thị Thùy	Trang	12/10/2007	01MK15C1	7.5	5.0	5.8		4.5		5.0	Đạt
17	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	23/05/2007	01MK15C1	7.5	5.0	5.8		3.5		4.4	Đạt
18	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	11/06/2007	01MK15C1	7.5	5.0	5.8		3.8		4.6	Đạt
77	2223360292	Hoàng Tuấn	Anh	14/03/2003	02MK15D1	6.0	5.0	5.3		8.0		6.9	Đạt
78	2223360526	Nguyễn Đức	Anh	29/06/1996	02MK15D1	7.0	9.5	8.7		7.5		8.0	Đạt
79	2223240012	Nguyễn Văn	Bình	30/10/2000	02MK15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
80	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02MK15D1	7.0	8.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
81	2223360509	Trần Anh	Dũng	17/11/2003	02MK15D1	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
82	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02MK15D1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
83	1223240018	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1999	02MK15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
84	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02MK15D1	7.0	6.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
85	2223240287	Phan Quốc	Hùng	28/08/1995	02MK15B1	5.0	8.5	7.3		6.5		6.8	Đạt
86	2223360004	Lê Thị Sông	Hương	05/5/2000	02MK15D1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
87	2223240120	Lê Thị	Hường	02/09/1996	02MK15B1	7.5	7.0	7.2		8.5		8.0	Đạt
88	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
89	2223360544	Hồ Hồng Lụa	01/07/1998	02MK15D1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
90	2223240268	Đỗ Hải My	08/11/2002	02MK15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
91	2223360328	Đào Văn Nam	17/12/2004	02MK15D1	5.0	6.0	5.7		7.5		6.8	Đạt
92	2223240197	Lê Thị Tuyết Ny	31/07/2004	02MK15B1	7.0	5.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
93	2223240163	Lê Đức Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	7.5	8.5	8.2		7.5		7.8	Đạt
94	2223240233	Lê Trọng Nghĩa	08/05/2003	02MK15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
95	2223360484	Nguyễn Văn Nhân	15/06/1995	02MK15D1	6.5	5.0	5.5		5.5		5.5	Đạt
96	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhi	02/10/1997	02MK15B1	8.0	8.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
97	2223240078	Phạm Đồng Tâm	25/10/1995	02MK15B1	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
98	2223360056	Lê Thị Tâm	02/10/1999	02MK15D1	8.0	8.5	8.3		5.5		6.6	Đạt
99	2223360099	Lương Minh Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	8.0	5.0	6.0		8.5		7.5	Đạt
100	2223360576	Lê Hoài Tuấn	06/08/2004	02MK15D1	8.5	5.0	6.2		8.5		7.6	Đạt
101	2223180071	Nguyễn Minh Thành	23/01/2000	02MK15B1	5.0	5.0	5.0		8.0		6.8	Đạt
102	2223240209	Lê Thị Kim Thi	24/08/1996	02MK15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
103	3223240014	Đỗ Xuân Vũ	02/12/1993	02MK15B1	7.0	5.0	5.7				2.3	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	2223360235	Lê Hoàng Thiên	Ân	26/07/2007	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
20	2223360264	Huỳnh Trọng	Ân	30/01/2007	02MK15C1	7.0	7.0	7.0		2.0		4.0	Đạt
21	2223360077	Lê Trần Trân	Châu	09/04/2002	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
22	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02MK15C1	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
23	2223180085	Đàm Sỹ	Hào	21/06/2004	02MK15A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
24	2223360342	Phạm Thế	Hào	27/06/2007	02MK15C1	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
25	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02MK15C1	8.5	7.0	7.5		8.0		7.8	Đạt
26	2223360013	Huỳnh Nguyễn Đức	Hoài	09/01/2004	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
27	2223360431	Lý Gia	Huy	27/09/2006	02MK15C1	8.5	7.0	7.5		5.0		6.0	Đạt
28	2223360375	Trần Thị Thu	Huyền	29/01/2007	02MK15C1	8.5	5.0	6.2		5.0		5.5	Đạt
29	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	10.0	7.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
30	2223360497	Nguyễn Trần Tuấn	Khải	10/07/2007	02MK15C1	10.0	7.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
31	2213360160	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	13/10/2001	02MK15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
32	2223360427	Nguyễn Lý Ánh	Linh	09/05/2006	02MK15C1	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
33	2223360441	Nguyễn Thị Ngọc Linh	08/05/2007	02MK15C1	8.5	6.0	6.8		6.0		6.3	Đạt
34	2223360580	Phạm Chi Mai	22/03/2004	02MK15C1	10.0	7.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
35	2223360084	Nguyễn Quang Minh	30/04/2003	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
36	2223360407	Nguyễn Văn Bình Minh	24/10/2006	02MK15C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
37	2223360133	Bùi Hoài Nam	06/02/2004	02MK15C1			0.0	TBKT	2.0		1.2	Học lại
38	2223360460	Trần Ngọc Thiên Nga	09/11/2006	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
39	2223360555	Phạm Thị Thu Ngân	09/05/2000	02MK15C1	10.0	8.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
40	2223360301	Nguyễn Hồng Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	7.5	5.0	5.8		5.0		5.3	Đạt
41	2223240236	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	13/03/2003	02MK15A1	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
42	2223360368	Cao Minh Nhật	06/12/2007	02MK15C1	5.0	6.0	5.7		2.0		3.5	Thi lại
43	2223240040	Huỳnh Thị Hồng Nhi	28/05/2001	02MK15A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
44	2223360596	Lê Thị Tuyết Nhi	06/11/2004	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
45	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh Như	10/12/2007	02MK15C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
46	2223360545	Lê Văn Phú	08/11/2004	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
47	2223360494	Lê Văn Phúc	21/02/2007	02MK15C1	8.0	8.0	8.0		2.0		4.4	Đạt
48	2223360592	Bùi Hải Phúc	10/09/2007	02MK15C1	7.0	8.0	7.7		3.0		4.9	Đạt

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
49	2223360434	Trần Ngọc Uyên	Phuong	19/09/20077	02MK15C1	8.5	6.0	6.8		5.0		5.7	Đạt
50	2223360563	Trịnh Kiều Tố	Quyên	21/02/2003	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
51	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02MK15A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
52	2223360402	Lê Ngọc Thuỷ	Tiên	29/12/2007	02MK15C1	8.0	5.0	6.0		2.0		3.6	Thi lại
53	2223360465	Vũ Cẩm	Tú	19/02/2006	02MK15C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
54	2223360487	Nguyễn Quang	Tú	11/01/2006	02MK15C1	9.5	8.0	8.5		7.0		7.6	Đạt
55	2223360048	Lý Vũ Gia	Thanh	05/05/2003	02MK15C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
56	2223360520	Trần Phương	Thanh	05/05/2007	02MK15C1	8.5	5.0	6.2		4.0		4.9	Đạt
57	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
58	2223360456	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12/11/2007	02MK15C1	9.5	7.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
59	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	5.0	5.0	5.0		1.0		2.6	Thi lại
60	2223360376	Nguyễn Tuấn	Thiên	10/08/2007	02MK15C1	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
61	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
62	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
63	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	6.0	7.0	6.7		2.0		3.9	Thi lại
64	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02MK15A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
65	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	10.0	9.0	9.3		7.5		8.2	Đạt
66	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02MK15C1	8.5	5.0	6.2		7.0		6.7	Đạt
67	2223360271	Trần Thị Mỹ	Trâm	15/04/2004	02MK15C1	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
68	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	8.5	7.0	7.5		4.0		5.4	Đạt
69	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02MK15C1	5.0	5.0	5.0		1.0		2.6	Thi lại
70	2223360522	Bùi Quang	Trường	27/02/2003	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
71	2223360440	Nguyễn Đình Thảo	Uyên	26/08/2006	02MK15C1	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
72	2203360364	Văn Bảo	Uyên	03/09/2004	02MK15C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
73	2223360339	Trương Nguyễn Mỹ	Vi	15/09/2007	02MK15C1	9.5	7.0	7.8		7.0		7.3	Đạt
74	2223360369	Đoàn Quốc	Việt	27/04/2007	02MK15C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
75	2213360075	Lê Thị Thúy	Vy	03/07/2006	02MK15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
76	2223360537	Nguyễn Kim Ngọc	Vy	01/09/2005	02MK15C1	6.0	5.0	5.3		4.0		4.5	Đạt
77	2223360526	Nguyễn Đức	Anh	29/06/1996	02MK15D1	9.0	7.5	8.0		8.5		8.3	Đạt
78	2223240012	Nguyễn Văn	Bình	30/10/2000	02MK15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
79	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02MK15D1	9.0	8.0	8.3		8.8		8.6	Đạt
80	2223360509	Trần Anh	Dũng	17/11/2003	02MK15D1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
81	2223360102	Nguyễn Thị Dương	22/09/2002	02MK15D1	10.0	7.5	8.3		8.3		8.3	Đạt
82	1223240018	Nguyễn Thị Giang	07/07/1999	02MK15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
83	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	08/01/2002	02MK15D1	9.0	7.5	8.0		9.0		8.6	Đạt
84	2223240287	Phan Quốc Hùng	28/08/1995	02MK15B1	4.0	7.5	6.3		7.5		7.0	Đạt
85	2223360004	Lê Thị Sông Hương	05/5/2000	02MK15D1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
86	2223240120	Lê Thị Hường	02/09/1996	02MK15B1	9.0	8.0	8.3		8.8		8.6	Đạt
87	2223360073	Trần Nhật Linh	04/04/1999	02MK15D1	9.0	7.5	8.0		8.3		8.2	Đạt
88	2223360544	Hồ Hồng Lụa	01/07/1998	02MK15D1	10.0	8.5	9.0		9.5		9.3	Đạt
89	2223240268	Đỗ Hải My	08/11/2002	02MK15B1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt
90	2223360328	Đào Văn Nam	17/12/2004	02MK15D1	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
91	2223240197	Lê Thị Tuyết Ny	31/07/2004	02MK15B1	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
92	2223240163	Lê Đức Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	9.0	8.5	8.7		9.3		9.0	Đạt
93	2223240233	Lê Trọng Nghĩa	08/05/2003	02MK15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
94	2223360484	Nguyễn Văn Nhân	15/06/1995	02MK15D1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
95	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhi	02/10/1997	02MK15B1	10.0	8.5	9.0		8.3		8.6	Đạt
96	2223240078	Phạm Đồng Tâm	25/10/1995	02MK15B1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
97	2223360056	Lê Thị Tâm	02/10/1999	02MK15D1	8.0	7.5	7.7		7.3		7.4	Đạt
98	2223360099	Lương Minh Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	9.0	10.0	9.7		8.0		8.7	Đạt
99	2223360576	Lê Hoài Tuấn	06/08/2004	02MK15D1	10.0	8.5	9.0		7.5		8.1	Đạt
100	2223180071	Nguyễn Minh Thành	23/01/2000	02MK15B1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
101	2223240209	Lê Thị Kim Thi	24/08/1996	02MK15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
102	3223240014	Đỗ Xuân Vũ	02/12/1993	02MK15B1	5.0	8.0	7.0				2.8	Thi lại
103	2213360027	Hồ Hương Giang	18/08/2003	02MK15B1	7.0	9.0	8.3		7.3		7.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360158	Trần Trường	An	21/05/2007	01MK15C1	6.0	6.0	6.0		0.0		2.4	Thi lại
2	1223360133	Trần Khánh	Dương	21/08/2007	01MK15C1	5.0	6.0	5.7		6.5		6.2	Đạt
3	1223360254	Đào Hồng	Hạnh	07/03/2007	01MK15C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
4	1223360146	Lê Trọng	Hiền	15/05/2006	01MK15C1	6.0	6.0	6.0		2.0		3.6	Thi lại
5	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm	Hùng	15/07/2007	01MK15C1	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
6	1223360275	Hoàng Phi	Hùng	19/11/2003	01MK15C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
7	1223240079	Phan Thị Thùy	Nhung	30/01/1990	01MK15A1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
8	1223240091	Huỳnh Vương Bảo	Phúc	06/05/2003	01MK15A1	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
9	1223360126	Ngô Tổ	Quyên	21/09/2007	01MK15C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
10	1223360055	Nguyễn Tuệ	Tâm	19/10/2007	01MK15C1	5.0	6.0	5.7		6.5		6.2	Đạt
11	1223360067	Nguyễn Nho Trương	Tiến	05/01/2007	01MK15C1	6.0	7.0	6.7		9.5		8.4	Đạt
12	1223360281	Trần Minh	Tiến	07/09/2007	01MK15C1	6.0	7.0	6.7		1.0		3.3	Thi lại
13	1223360035	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/07/2007	01MK15C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
14	1223360202	Trần Thị Phương	Thanh	01/12/2004	01MK15C1	5.0	6.0	5.7		9.0		7.7	Đạt

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
15	1223360110	Đặng Thị Thanh Thảo	19/06/2003	01MK15C1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
16	1223360216	Bùi Thị Thùy Trang	12/10/2007	01MK15C1	7.0	7.0	7.0		2.5		4.3	Đạt
17	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	23/05/2007	01MK15C1	6.0	7.0	6.7		2.0		3.9	Thi lại
18	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết Vy	11/06/2007	01MK15C1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt